

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Địa chỉ: Số 86, đường 3/2, Phường 1, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : (02703) 822729 Fax: (02703) 831283

Website: <http://www.congtrinhcongcong.vinhlong.gov.vn>



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**



THÁNG 6/2017

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 1. Giới thích thuật ngữ	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong Công ty	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Nguyên tắc hoạt động	8
Điều 6. Ngành nghề kinh doanh	9
Điều 7. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	9
Điều 8. Ngôn ngữ đại diện theo pháp luật	10
CHƯƠNG II: VỐN ĐỀU LẬP, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG	10
Điều 9. Vốn điều lập, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Điều 10. Cổ phiếu	11
Điều 11. Chứng chỉ cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông	11
Điều 12. Chứng chỉ chứng khoán khác	12
Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần	12
Điều 14. Thu hồi cổ phần	13
Điều 15. Thảm họa cổ phần	14
Điều 16. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	14
Điều 17. Mua lại cổ phần theo quy định của công ty	15
Điều 18. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	16
Điều 19. Quy định hạn của cổ đông	16
Điều 20. Nghĩa vụ các cổ đông	18
Điều 21. Đại diện được ủy quyền của cổ đông	19
Điều 22. Phát hành trái phiếu, mua cổ phần, trái phiếu	20
CHƯƠNG III: CÔNG CỤ TÍNH CHẾ, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	21
Điều 23. Công cụ tính chế, quản trị và kiểm soát	21
CHƯƠNG IV: ĐỊA ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐÔNG	21
Điều 24. Địa điểm hoạt động của công	21
Điều 25. Thảm họa quy định tiêu chuẩn địa điểm hoạt động của công	21

Điều 26. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng công	23
Điều 27. Các điều kiện cơ bản quy định	23
Điều 28. Thay đổi các quy định	24
Điều 29. Trình tự lập Hội đồng công, chức năng trình lập và thông báo lập Hội đồng công	25
Điều 30. Các điều kiện tiến hành lập Hội đồng công	26
Điều 31. Thẩm quyền, thẩm thức tiến hành lập và biểu quyết tại Hội đồng công	26
Điều 32. Thông qua quy định của Hội đồng công	28
Điều 33. Thẩm quyền và thẩm thức lý ý kiến công đồng bằng văn bản để thông qua quy định	
Điều 34. Biên bản lập Hội đồng công	31
Điều 35. Yêu cầu hợp ý biểu quyết định của Hội đồng công	32
CHƯƠNG V: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	32
Điều 36. Hội đồng quản trị	32
Điều 37. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 38. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 39. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	35
Điều 40. Chức trách Hội đồng quản trị	36
Điều 41. Cuộc họp Hội đồng quản trị	37
CHƯƠNG VI: CÔNG CỤ TÍNH CHẾ, ĐIỀU HÀNH	39
Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý	39
Điều 43. Nguyên tắc quản lý	39
Điều 44. Bố trí, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của Giám đốc (tham khảo thêm điều 157)	39
Điều 45. Thị ký Công ty	41
CHƯƠNG VII: BAN KIỂM SOÁT	42
Điều 46. Ban kiểm soát	42
Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	42
Điều 48. Quy định và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	43
Điều 49. Quy định để cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	44
Điều 50. Tiến độ công việc và quy định khác của Kiểm soát viên	45

Đi u 51.Trách nhi m c a Ki m soát viên	45
Đi u 52.Mi n nhi m, bãi nhi m Ki m soát viên	45
CH NG VIII: QUY Đ NH CHUNG Đ I V I NG I QU N LÝ	46
Đi u 53.Thù lao, ti n l ng và l i ích khác c a thành viên H i đ ng qu n tr , Giám đ c	46
Đi u 54.Trách nhi m c n tr ng	47
Đi u 55.Trách nhi m trung th c và tránh các xung đ t v quy n l i	47
Đi u 56.Trách nhi m v thi t h i và b i th ng	48
CH NG IX: QUY N ĐI U TRA S SÁCH VÀ H S CÔNG TY	49
Đi u 57.Quy n đi u tra s sách và h s	49
CH NG X: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	50
Đi u 58.Công nhân viên và công đoàn	50
CH NG XI: PHÂN PH I L I NHU N, L P QU VÀ NGUYÊN T C CH U L TRONG KINH DOANH	50
Đi u 59.Phân ph i l i nhu n	50
CH NG XII: TÀI KHO N NGÂN HÀNG, NẤM TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN	51
Đi u 60.Tài kho n ngân hàng	51
Đi u 61.NẤm tài chính	51
Đi u 62.Ch đ k toán	51
CH NG XIII: BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NH I M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	52
Đi u 63.Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	52
Đi u 64.Báo cáo th ng niên	52
CH NG XIV: KI M TOÁN CÔNG TY	53
Đi u 65.Ki m toán	53
CH NG XV: CON D U	53
Đi u 66.Con d u	53
CH NG XVI: CH M D T HO T Đ NG, THANH LÝ VÀ PHÁ S N	53
Đi u 67.Ch m d t ho t đ ng	53
Đi u 68.Gi i th	54

Đi u 69. Trình t , th t c gi i th doanh nghi p	54
Đi u 70. Phá s n	54
CHƯƠNG XVII: GI I QUY T TRANH CH P N I B	55
Đi u 71. Gi i quy t tranh ch p n i b	55
CHƯƠNG XVIII: B SUNG VÀ S A Đ I Đ I U L	55
Đi u 72. B sung và s a đ i Đ i u l	55
CHƯƠNG XIX: NGÀY HI U L C	<i>Error! Bookmark not defined.</i>
Đi u 73. Ngày hi u l c	<i>Error! Bookmark not defined.</i>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỜI

TỰ CHỨC VÀ HỌ TÊN CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG NGHỆ VĨNH LONG

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Điều lệ của Công ty cổ phần Công trình công nghệ Vĩnh Long (“dưới đây gọi là Công ty”) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty; các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nêu dưới đây được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo quy trình hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông theo chính thức vào ngày 28 tháng 6 năm 2017 và được thay thế bản Điều lệ trước đây.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Từ ngữ hợp các điều khoản hoặc thuật ngữ của điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. "Văn điều lệ" là số văn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 8 Điều lệ này;

1.2. "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

1.3. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

1.4. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;

1.5. "Người có liên quan" là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp trong các

trên ng h p sau đây:

- a. Công ty m, ng i qu n lý công ty m và ng i có th m quy n b nh m ng i qu n lý đó đ i v i công ty con trong nhóm công ty;
- b. Công ty con đ i v i công ty m trong nhóm công ty;
- c. Ng i ho c nhóm ng i có kh năng chi ph i vi c ra quy t đ nh, ho t đ ng c a doanh nghi p đó thông qua c quan qu n lý doanh nghi p;
- d. Ng i qu n lý doanh nghi p;
- e. V , ch ng, cha đ , cha nuôi, m đ , m nuôi, con đ , con nuôi, anh ru t, ch ru t, em ru t, anh r , em r , ch dâu, em dâu c a ng i qu n lý công ty ho c c a thành viên, c đ ông s h u ph n v n góp hay c ph n chi ph i;
- f. Cá nhân đ c y quy n đ i di n cho nh ng ng i, công ty quy đ nh t i các đ i m a, b, c, d và đ kho n này;
- g. Doanh nghi p trong đó nh ng ng i, công ty quy đ nh t i các đ i m a, b, c, d, đ e và h kho n này có s h u đ n m c chi ph i vi c ra quy t đ nh c a các c quan qu n lý doanh nghi p đó;
- h. Nhóm ng i th a thu n cùng ph i h p đ thâu tóm ph n v n góp, c ph n ho c l i ích công ty ho c đ chi ph i vi c ra quy t đ nh c a công ty.

1.6. "Th i h n ho t đ ng" là th i gian ho t đ ng c a Công ty đ c quy đ nh t i Điều 7 Điều l này;

1.7. "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch nghĩa Vi t Nam.

2. Trong Điều l này, b t kỳ m t tham chi u nào t i m t ho c m t s quy đ nh ho c văn b n khác nào s bao g m c nh ng s a đ i ho c văn b n thay th cho chúng.

3. Các tiêu đ (ch ng, đ i u c a Điều l này) đ c s đ ng nh m thu n ti n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a Điều l này.

Điều 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, văn phòng đ i di n và th i h n ho t đ ng c a Công ty

1. Tên Công ty

a. Tên công ty vi t b ng ti ng Vi t: **CÔNG TY C PH N CÔNG TRÌNH CÔNG C NG VĨNH LONG**

b. Tên công ty vi t b ng ti ng n c ngoài: **VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.**

c. Tên vi t t: VIPUCO

d. Logo:



2. Hình thức: Công ty là công ty cổ phần có tổ chức pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

a. Địa chỉ trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

b. Điện thoại: (84-270) 3822 729

c. Fax: (84-270) 3831 283

d. Email: ctccvl@gmail.com

e. Website: congtrinhcongcong.vinhlong.gov.vn

3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

4. Từ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 67 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô hạn.

Điều 3. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Huy động và sử dụng động viên có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải thiện chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tạo nên từng bước phát triển một cách bền vững, lâu dài và vững chắc, đa dạng lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp cho cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động

Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Các cổ đông cùng góp vốn, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào công ty.

Đi u 6. Ngành ngh kinh doanh

Stt	Tên ngành	ngành
1	Thu gom rác th i không đ c h i; Chi ti t: Thu gom, v n chuy n rác th i sinh ho t, rác công nghi p.	3811
2	Thu gom rác th i đ c h i; Chi ti t: Thu gom, v n chuy n rác th i nguy h i, rác th i y t .	3812
3	X lý và tiêu h y rác th i không đ c h i; Chi ti t: L u gi v x lý rác th i sinh ho t, rác công nghi p	3821
4	X lý và tiêu h y rác th i đ c h i; Chi ti t: L u gi v x lý rác th i nguy h i, rác th i y t	3822
5	Bán buôn chuyên doanh khác ch a đ c phân vào đầu; Chi ti t: Dịch v mua bán v t t chuyên ngành	4669
6	Xây d ng nhà các lo i; Chi ti t: Xây d ng các công trình dân d ng	4100
7	Xây d ng công trình đ ng s t và đ ng b ; Chi ti t: S a ch a nâng c p đ ng giao thông n i th theo quy ho ch, xây d ng qu n lý đi m đ xe trong đô th. Xây d ng các công trình giao thông (c u, đ ng, c ng,...)	4210
8	Xây d ng công trình công ích; Chi ti t: Xây d ng qu n lý, s a ch a các công trình văn hóa, phúc i công c ng, vĩa hè, h th ng c p, thoát n c, đi n chi u sáng công c ng, công viên cây xanh đô th. Khu nghĩa đ a, h a táng, công tác v sinh đ c đ m b o v n chuy n x lý rác, xây d ng h th ng v sinh công c ng. Xây d ng các công trình: th y l i, đ ng dây và t m bi n đi n	4220
9	Xây d ng công trình k thu t dân d ng khác; Chi ti t: Xây d ng các công trình: công nghi p, th y l i	4290
10	Chu n b m t b ng; Chi ti t: San l p m t b ng	4312
11	V n t i hàng hóa b ng đ ng b ; Chi ti t: V n t i hàng hóa đ ng b	4933
12	Dịch v chăm sóc duy trì c nh quan Chi ti t: Duy trì và chăm sóc th m c , cây trang trí, cây bóng mát(công viên, khuôn viên, qu ng tr ng, vòng xoay, d i phân cách, vĩa hè, ti u đ o, các khu dân c , khu di tích...)	8130

Đi u 7. Ph m vi kinh doanh và ho t đ ng

1. Công ty đ c phép l p k ho ch và t i n hành t t c các ho t đ ng kinh doanh theo Gi y ch ng nh n đăng ký doanh nghi p và Đi u l n này, phù h p v i quy đ nh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p đ đ t đ c các m c tiêu c a Công ty;

2. Công ty có th t i n hành ho t đ ng kinh doanh trong các lĩnh v c khác đ c pháp lu t cho phép và đ c Đ i h i đ ng c đ ông thông qua;

3. Đa bàn hoạt động của công ty tại Việt Nam và ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật;

4. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và vô hạn. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty do Đại hội đồng quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật

Công ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của công ty do Hội đồng quản trị công ty phân công cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc thực hiện qua quy chế làm việc và được quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG II

VĂN BẢN U L , C PH N, C ĐÔNG

Điều 9. Văn bản u l, c ph n, c đông sáng lập

1. Văn bản u l của Công ty là 35.362.220.000 đồng (Ba mươi lăm tỉ, ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

- Tỷ lệ phần vốn Nhà nước là 81,24% vốn bản u l, tương ứng 28.728.220.000 đồng theo mệnh giá;

- Tỷ lệ phần vốn cổ đông khác: 18,76% vốn bản u l, tương ứng 6.634.000.000 đồng theo mệnh giá.

- Theo quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt Phế án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long thành công ty cổ phần và quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc điều chỉnh Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc phê duyệt Phế án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Vĩnh Long thành công ty cổ phần thì tỷ lệ phần vốn Nhà nước tại Công ty là 64% vốn bản u l, tương ứng 22.631.820.000 đồng theo mệnh giá.

- Phần vốn Nhà nước không bán hết theo quyết định phê duyệt là 17,24% vốn bản u l, tương ứng 6.096.440.000 đồng tính theo mệnh giá sẽ được tiến hành bán tiếp theo quy định pháp luật và thoái vốn Nhà nước sau khi Công ty đi vào hoạt động

đồng i hình thức Công ty cổ phần.

2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.536.222 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ

3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quy định và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 19 và Điều 20 Điều lệ này.

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tỷ lệ ứng ứng với tỷ lệ sốหุ้น cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần phổ thông cổ đông không đăng ký mua hết số do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu ưu quyền và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

9. Do Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần nên không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập.

Điều 10. Cổ phiếu

Cổ phiếu: là giấy chứng nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty.

Điều 11. Chứng chỉ cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định. Công

phiếu là Giấy chứng nhận xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Mọi chứng chỉ cổ phiếu được phát hành phải có đóng dấu của Công ty, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và phải đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do nhầm lẫn sai sót đó gây ra đối với Công ty.

3. Nếu cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông của Công ty cấp lại cổ phiếu theo đúng nghĩa của cổ đông đó và với điều kiện phải xuất trình đầy đủ giấy tờ chứng minh và thanh toán các chi phí liên quan cho Công ty.

4. Đồng nghĩa của cổ đông phải cam đoan về các nội dung sau đây:

a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải chứng minh rằng đã tiến hành tìm kiếm nhưng không thể tìm thấy và nếu tìm lại được sẽ đem trả lại Công ty để tiêu hủy;

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10 (mười) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đồng nghĩa cấp cổ phiếu mới, người đi nhận theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đồng nghĩa Công ty cấp cổ phiếu mới.

5. Sau khi mua cổ phần và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, cổ đông sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ cổ phiếu.

6. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Điều 121 Luật doanh nghiệp.

Điều 12. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thẻ chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tạm thời) được phát hành có dấu và chữ ký mới của người nhận theo pháp luật của Công ty.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ

phần. Trường hợp có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong điều lệ của phần thưởng.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận số hạn thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.

4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị trừ tư cách thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; số đóng cổ phần được trừ nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần số là cổ đông của công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì điều lệ cũ ban hành bởi và công ty phát hành điều lệ mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chuyển thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 14. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần của thanh toán hết số bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần của thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực

hiện.

4. Công phần bỏ thu hồi được coi là các công phần được quy định chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu công phần bỏ thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Công đồng nắm giữ công phần bỏ thu hồi phải tuân theo cách công đồng đối với những công phần đó, những vấn đề phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan đến việc tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 10% mỗi năm) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc công đồng chỉ thanh toán toàn bộ giá trị công phần vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ công phần bỏ thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vốn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Điều 15. Thửa kẻ công phần

1. Trong trường hợp công đồng qua đời, Công ty tôn trọng quy định thửa kẻ công phần hợp pháp theo luật định. Trong trường hợp có nhiều người thửa kẻ hợp pháp thì những người này phải công nhận người sở hữu duy nhất bằng thời gian quy định có công chứng, chứng thực.

2. Khi có quy định sở hữu hoặc thửa kẻ công phần hợp pháp, người có quyền thửa kẻ phải thực hiện thời gian đăng ký làm người sở hữu của các công phần được thửa kẻ để trở thành công đồng của Công ty.

3. Công phần của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát cũng được thửa kẻ những người nhận thửa kẻ chuyển thửa kẻ quy định sở hữu công phần, không được đồng ý chuyển nhượng thửa kẻ quy định làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát cho đến khi được Đại hội đồng công đồng bầu.

Điều 16. Mua lại công phần theo yêu cầu của công đồng

1. Công đồng biểu quyết phân định nghĩa quyết định việc thực hiện công ty hoặc thay đổi quy định, nghĩa vụ của công đồng quy định tại Điều lệ công ty có quy định yêu cầu công ty mua lại công phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của công đồng, số lượng công phần đang nắm giữ, giá đề nghị bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng công đồng thông qua nghị quyết và các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều 10 công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được với giá thì các bên có thể yêu cầu một tỷ lệ cổ phần định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giữ ít nhất 03 tỷ lệ cổ phần định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 17. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi của công ty đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của công ty loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đại với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đại với cổ phần loại khác, nếu Điều 10 công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của công ty công đồng đồng ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức báo đểm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thời gian và thời hạn thanh toán, thời gian và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

4. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức báo đểm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thông tin, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hồ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 18. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần đã mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần đã mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp nêu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần đã mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần đã mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với từng giá trị mệnh giá các cổ phần đã công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm với thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu từng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 19. Quy định hình thức của cổ đông

1. Cổ đông là自然人 chỉ sở hữu của Công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo số tiền mệnh giá của các cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

2. Cổ đông Công ty có các quyền sau:

a. Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên;

b. Nếu không có ràng buộc và cam kết khác thì cổ đông được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người khác không phải là cổ đông của Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật trừ trường hợp quy định tại khoản 4 điều 13 của điều lệ này;

c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phải thông của từng cổ đông đang sở hữu;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần phải thông được tham dự Đại hội đồng cổ đông và được thảo luận biểu quyết các

vấn đề thu c thêm quy n c a H i đ ng c đ ng;

e. Kiểm tra các thông tin có liên quan đ n c đ ng trong danh sách c đ ng đ t cách tham gia vào H i đ ng c đ ng và yêu c u s a đ i các thông tin không chính xác;

f. Đ c xem xét, tra c u, trích l c h c sao ch p đ i u l Công ty, s biên b n h p H i đ ng c đ ng và các Ngh quy t c a H i đ ng c đ ng;

g. Trong tr ng h p Công ty b gi i th h c phá s n, đ c nh n m t ph n tài s n còn l i c a Công ty t ng ng v i s c ph n mà mình s h u sau khi Công ty thanh toán h t các kho n n ;

h. Yêu c u Công ty mua l i c ph n c a h trong đ i u 17 đ i u l này;

i. Các quy n khác theo quy đ nh t i đ i u l này và pháp lu t.

3. M t c đ ng h c m t nhóm c đ ng s h u trên 5% t ng s c ph n ph thông trong th i gian liên t c t 6 tháng tr lên có thêm các quy n sau:

a. Đ c ng i vào H i đ ng qu n tr và Ban ki m soát;

b. Yêu c u tri u t p H i đ ng c đ ng trong tr ng h p quy đ nh t i kho n 4 đ i u này;

c. Xem xét và trích l c s biên b n và các ngh quy t c a H i đ ng qu n tr, báo cáo tài chính gi a năm và hàng năm và các báo cáo c a Ban ki m soát;

d. Yêu c u Ban ki m soát ki m tra t ng v n đ c th liên quan đ n qu n lý, đ i u hành ho t đ ng c a Công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i b ng văn b n, ph i có h , tên, đ a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y CMND, h chi u h c ch ng th c cá nhân h p pháp khác đ i v i c đ ng là cá nhân; tên đ i v i c đ ng là t ch c; s l ng c ph n và th i đ i m đ ng ký c ph n c a t ng c đ ng, t ng s c ph n c a c nhóm c đ ng và t l s h u trong t ng s c ph n c a Công ty; v n đ c n ki m tra, m c đích ki m tra;

e. Các quy n khác đ c quy đ nh t i đ i u l này và quy đ nh c a pháp lu t.

4. C đ ng h c nhóm c đ ng quy đ nh t i kho n 3 đ i u này có quy n yêu c u tri u t p h p H i đ ng c đ ng trong các tr ng h p sau:

a. H i đ ng qu n tr vi ph m nghiêm tr ng quy n c a c đ ng, nghĩa v c a ng i qu n lý h c ra quy t đ nh v t quá th m quy n đ c giao;

b. Nhi m kỳ c a H i đ ng qu n tr v t quá 6 tháng mà H i đ ng qu n tr m i ch a đ c b u thay th ;

c. Yêu c u tri u t p H i đ ng c đ ng ph i đ c l p b ng văn b n và ph i có

họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy CMND, họ chữ họ công chức cá nhân hợp pháp khác với cổ đông là cá nhân; tên địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của các nhóm cổ đông và tỷ lệ sốหุ้น trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ và các văn phạm của Hội đồng quản trị, mặt chữ văn phạm hoặc văn quyết định viết tắt quá thẩm quyền.

5. Việc đăng ký vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 3 điều này được thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phải thông tin nguyên tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đăng ký vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo với việc họp nhóm cho các cổ đông để họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều này được quyền đăng ký một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên đăng ký cổ đông hoặc nhóm cổ đông đăng ký tập hợp số ứng cử viên mà không được quyền đăng ký theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đăng ký.

Điều 20. Nghĩa vụ các cổ đông

1. Thanh toán đầy và đúng hạn số cổ phần cam kết mua; chịu trách nhiệm với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phải thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp hợp đồng của Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bỏ rút.

3. Tuân thủ điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín, bí mật trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Công đồng phải thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để làm hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tội phạm kinh doanh và các giao dịch khác để trục lợi hoặc phục vụ lợi ích của cá nhân, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ của đơn vị trên nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.

Điều 21. Đối tượng của quy định của Công đồng

1. Công đồng có thể quy định cho người khác thay mặt mình thực hiện các quy định của Công đồng bằng văn bản quy định. Đối tượng của quy định thực hiện các quy định của quy định nhân danh Công đồng quy định.

2. Đối tượng của quy định không nhất thiết phải là Công đồng. Đối tượng là quy định không được quy định lên cho 2 cho người khác.

3. Đối tượng của quy định không được đem thực hiện, cấm cản và báo lãnh sự của phiếu của quy định trong bất kỳ trường hợp nào.

4. Việc quy định cho người đối tượng để hợp Đối tượng để Công đồng phải lập thành văn bản theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định và phải có chữ ký của người quy định như sau:

a. Trường hợp Công đồng là cá nhân, là người quy định thì phải có chữ ký của Công đồng đó và người của quy định để hợp;

b. Trường hợp người đối tượng theo quy định của Công đồng là cá nhân, là người quy định thì phải có chữ ký của người đối tượng theo quy định, người đối tượng theo pháp luật của Công đồng và người của quy định để hợp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đối tượng theo pháp luật của Công đồng và người của quy định để hợp.

d. Người của quy định để hợp Đối tượng để Công đồng phải nộp văn bản quy định trước khi vào phòng họp.

5. Trường hợp quy định tại khoản 6 điều này, phiếu biểu quyết của người của quy định để hợp trong phạm vi của quy định vẫn có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:

a. Người quy định đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Ngân sách quy định đã chi hết tất cả các dự định.

6. Quy định tài khoản 4 điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về mặt trong các trường hợp quy định tài khoản 5 điều này chậm nhất 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Hội đồng cổ đông.

7. Hội đồng cổ đông quy định có thể bổ thu hội viên dự định bổ vào văn bản chậm nhất dự định do Hội đồng ký. Văn bản này phải được lập theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 22. Phát hành trái phiếu, mua cổ phần, trái phiếu

1. Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Công ty không thanh toán đủ cổ tức và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật và chương trình có quy định khác.

3. Việc phát hành trái phiếu cho các chức năng là thành viên tài chính được lựa chọn không bắt buộc phải quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, từng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, thông qua phải báo cáo Hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nội dung quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

5. Trường hợp công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục thông lệ chào bán cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

6. Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sở hữu động sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ mặt tiền.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 23. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

CHƯƠNG IV

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

Điều 25. Thời gian triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức bằng hình thức khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- b. Báo cáo tài chính hàng năm;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- f. Mọi các tài liệu và tài liệu khác phân bổ và tài liệu khác;

g. Các văn bản khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây đối với họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Đồng thời nghe quyết của Hội đồng cổ đông theo nội dung đề kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các thành viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phức vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng cổ đông

Hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tăng số cổ phần của tăng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của tăng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của một loại;

h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i. Quyết định tạm ngừng hoạt động công ty;

j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Tất cả các nghị quyết và các văn bản đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Hội đồng cổ đông.

Điều 27. Các điều kiện để ký quyết

1. Các cổ đông có quyền tham dự Hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Trường hợp luật số thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện,

việc chấp hành đối diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chấp hành đối diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bên sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trường hợp đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền để họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bệnh nhân chỉ năng lực hành vi dân sự hoặc bệnh mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chấp hành ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thêm quyền của người thi hành việc ủy quyền.

d. Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt trong các sổ kiến trên tờ khai mở cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 28. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền được biết gần liền với mặt loại cổ phần nào dài có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phải thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần nào dài nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ mặt loại cổ phần nào dài để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đối diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu mặt phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đối biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và nếu người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phải thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đối diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đối biểu yêu cầu. Tất cả các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần nào dài nêu trên, nếu người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đối diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thi hành theo quy định của các quy định tại Điều 31 và Điều 33 Điều lệ này.

3. Trường khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền được biết gần liền với các loại cổ phần có quyền nào dài đối với các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bỏ thay đổi khi Công ty phát hành

thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 29. Triu t p Đ i h i đ ng c đ ng, ch ng trnh h p và thông báo h p Đ i h i đ ng c đ ng

1. H i đ ng qu n tr triu t p Đ i h i đ ng c đ ng ho c Đ i h i đ ng c đ ng đ c triu t p theo các tr ng h p quy đ nh t i kho n 4 ho c kho n 5 Đi u 25 Đi u l này.

2. Ng i triu t p Đ i h i đ ng c đ ng ph i th c hi n nh ng nhi m v sau đây:

a. Chu n b danh sách các c đ ng đ đi u ki n tham gia và bi u quy t t i đ i h i ch m nh t m i l m (15) ngày tr c ngày b t đ u ti n hành Đ i h i đ ng c đ ng; ch ng trnh h p, và các tài li u theo quy đ nh phù h p v i lu t pháp và các quy đ nh c a Công ty;

b. Xác đ nh th i gian và đ a đi m t ch c đ i h i;

c. Thông báo và g i thông báo h p Đ i h i đ ng c đ ng cho t t c các c đ ng có quy n đ h p.

3. Thông báo h p Đ i h i đ ng c đ ng đ c g i cho t t c các c đ ng đ ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a S giao d ch ch ng khoán (đ i v i các công ty niêm y t ho c đ ng ký giao d ch), trên trang thông tin đ n t (website) c a công ty. Thông báo h p Đ i h i đ ng c đ ng ph i đ c g i ít nh t m i ngày (10) ngày tr c ngày h p Đ i h i đ ng c đ ng, (tính t ngày mà thông báo đ c g i ho c chuy n đi m t cách h p l, đ c tr c c phí ho c đ c b vào h m th). Ch ng trnh h p Đ i h i đ ng c đ ng, các tài li u liên quan đ n các v n đ s đ c bi u quy t t i đ i h i đ c g i cho các c đ ng ho c/và đ ng trên trang thông tin đ n t c a Công ty. Trong tr ng h p tài li u không đ c g i kèm thông báo h p Đ i h i đ ng c đ ng, thông báo m i h p ph i nêu rõ đ a ch trang thông tin đ n t đ các c đ ng có th ti p c n.

4. C đ ng ho c nhóm c đ ng đ c đ c p t i Kho n 3 Đi u 19 Đi u l này có quy n đ xu t các v n đ đ a vào ch ng trnh h p Đ i h i đ ng c đ ng. Đ xu t ph i đ c làm b ng văn b n và ph i đ c g i cho Công ty ít nh t ba (03) ngày làm vi c tr c ngày khai m c Đ i h i đ ng c đ ng. Đ xu t ph i bao g m h và tên c đ ng, s l ng và lo i c ph n ng i đó n m gi , và n i dung đ ngh đ a vào ch ng trnh h p.

5. Ng i triu t p h p Đ i h i đ ng c đ ng có quy n t ch i nh ng đ xu t liên quan đ n kho n 4 Đi u này trong các tr ng h p sau:

a. Đồ xuất khẩu có giá trị không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đồ xuất, cơ đồng hoặc nhóm cơ đồng không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tiếp ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Điều lệ này;

c. Vốn đồ đồ xuất không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cơ đồng;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đủ thảo luận quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cơ đồng với số cơ đồng trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thời hạn thực hiện hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 30. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cơ đồng

1. Cuộc họp Đại hội đồng cơ đồng được tiến hành khi có số cơ đồng đủ họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cơ đồng triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cơ đồng đủ họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cơ đồng được tiến hành không phải thu vào tổng số phiếu biểu quyết của các cơ đồng đủ họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cơ đồng mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 181 của Luật doanh nghiệp.

Điều 31. Thẩm quyền, thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cơ đồng

Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cơ đồng bằng văn bản được thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cơ đồng được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cộng đồng bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Hội đồng cộng đồng khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, để thảo luận nghị quyết của Hội đồng cộng đồng, các tài liệu ghi trình để thảo luận nghị quyết và gửi đến tất cả các cộng đồng có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cộng đồng gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cộng đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cộng đồng là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cộng đồng là tổ chức; số lượng cộng đồng là tổ chức và số phiếu biểu quyết của cộng đồng;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi vào công ty phiếu lấy ý kiến đã điền các trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Cộng đồng có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã điền các trả lời phải có chữ ký của cộng đồng là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cộng đồng là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi vào công ty phải đóng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi niêm phong;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi vào công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được ghi bí mật đến thời điểm niêm phong.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi vào công ty sau thời hạn đã xác định nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bỏ vào trong thùng hợp gửi thư và bỏ niêm phong trong thùng hợp gửi

fax, thì điểm t là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được ghi và được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị có chức năng phiếu và lập biên bản kiểm phiếu đối với công việc của Ban kiểm soát hoặc của cộng đồng không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cộng đồng với từng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phần ứng thực ghi biểu quyết, kèm theo phần danh sách cộng đồng tham gia biểu quyết;
- d. Từng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đi theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- g. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiết bị phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được ghi điểm các cộng đồng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điểm t, việc ghi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điểm t của công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lại, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan ghi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cộng đồng bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cộng đồng.

Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cộng đồng

1. Quyết định của Đại hội đồng cộng đồng được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau:

- a. Trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này, các quyết định của Đại

hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

b. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tách lập hay gộp lại doanh nghiệp, đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu chọn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

2. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận.

Điều 33. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, đồng thời quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình đính kèm theo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo đồng thời quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo rõ ràng, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phản hồi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh

nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lý ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Văn bản lý ý kiến đã thông qua quyết định;

e. Phiếu án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng văn bản lý ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi vào Công ty phiếu lý ý kiến đã được trừ lùi;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lý ý kiến đã được trừ lùi phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lý ý kiến gửi vào Công ty phải được đóng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trừ khi kiểm phiếu. Các phiếu lý ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định thời nội dung phiếu lý ý kiến hoặc đã bỏ mở đều không hợp lệ.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu đồng ý số chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các văn bản lý ý kiến đã thông qua quyết định;

c. Số cổ đông và từng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Từng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng văn bản;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật

của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lại, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Hội, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông và từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phân danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu từng người;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đại với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ từng người trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua từng người;

i. Chủ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tịch và thành viên ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng phải được gửi đến tất cả các đồng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).

Biên bản họp Đại hội đồng, phụ lục danh sách các đồng đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 35. Yêu cầu hợp lệ quyết định của Đại hội đồng

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng các đồng hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng các đồng, nhóm các đồng quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hợp lệ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng các đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng các đồng không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trường hợp họp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng các đồng.

2. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mọi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

3. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân

thực đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân với nghị quyết đó và phải bồi đắp thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

Điều 37. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên được lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp hết thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Trường hợp số lượng các thành viên Hội đồng quản trị thông qua được và ông cổ vấn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị được nghị có thể được thêm thành viên hoặc tạm thời được theo chế độ của Công ty quy định tại Quy chế nội bộ với quản trị công ty. Chế độ hay cách thức Hội đồng quản trị được nghị thêm được thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành được.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin thôi chức vụ chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rơi vào tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có năng lực chuyên môn chuyên nghiệp tư pháp đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định hủy bỏ cổ phần này bất cứ trường hợp;

e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Thành viên đó không còn là đối tượng theo quy định của cổ đông là thành viên theo quy định của thành viên đó;

g. Thành viên đó còn là đối tượng theo quy định của cổ đông là thành viên, nhưng thành viên đó không còn là cổ đông của Công ty hoặc tuy còn là cổ đông nhưng thành viên đó sở hữu ít hơn 5% cổ phần có quyền biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chức vụ phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

7. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mới quyết định của Hội đồng quản trị cho đến thời điểm đi ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nội m giữ cổ phần của Công ty.

10. Trường hợp công ty có phần được thành viên quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp thì các giấy tờ, giao dịch của công ty phải ghi rõ “thành viên được lập” trước họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị tương ứng.

11. Điều lệ công ty quy định về số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức thành viên và phải hợp hoạt động của các thành viên được lập Hội đồng quản trị.

Điều 38. Các điều kiện, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d. Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

2. Thành viên được lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về kinh doanh khoán có quy định khác:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liên tiếp đó.

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phí cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liên tiếp đó.

3. Thành viên được lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đồng nghĩa không còn là thành viên được lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên được lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên được lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên được lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 39. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

b. Kiểm soát lợi ích cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của tổng lợi;

c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giới pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiến độ và quyền lợi khác của nhân sự quản lý đó; cử người đi diễn theo quy định tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội hội đồng cổ đông công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của nhân sự quản lý đó;

j. Giám sát, check Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong đời hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;

k. Quyết định cổ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ hợp Hội hội đồng cổ đông, triệu tập họp Hội hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến dự Hội hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

m. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội hội đồng cổ đông;

n. Kiểm soát các tài sản được trả; quyết định thời hạn và thời điểm trả cổ tức hoặc xử lý lợi phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiểm soát việc thực hiện, giới thiệu, yêu cầu phá sản công ty;

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch.

2. Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chọn bổ sung trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc từ số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc từ số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc nơi khác.
3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đủ nghị quyết Ban kiểm soát hoặc thành viên được lập;
- b. Có đủ nghị quyết Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đủ nghị quyết ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

e. Hội nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, văn bản cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về hậu quả thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian và địa điểm họp, chương trình, các văn bản thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sơ đồنگ tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, điện thoại hoặc phương tiện khác, nhưng phải báo động đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên nhận và gửi các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền đọc các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

e. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đóng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

f. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

CHƯƠNG VI

CÁC CUỘC TẬP CHỨC, ĐIỀU HÀNH

Điều 42. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc số lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc, hai (02) Phó Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng. Với bộ phận, miền miền, bãi miền các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 43. Nhiệm vụ quản lý

1. Theo đúng nghĩa của Giám đốc và được số chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người quản lý cần thiết, với số lương và chế độ đãi ngộ phù hợp với điều kiện và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy tình thế đi kèm. Người quản lý phải có số miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mục tiêu, tiến độ, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 44. Bộ phận, miền miền, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người

khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trình độ, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo với Hội đồng cổ đông thông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm chức vụ này.

3. Giám đốc có nhiệm vụ và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị quy định tại Điều 39 Điều lệ này, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, thuê và đi thuê hành hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại của Công ty theo nghị quyết thông lệ quản lý tài chính;

c. Kiểm soát công việc và các lợi ích của quản lý mà Công ty cần tuân thủ để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tài chính theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tất cả vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người quản lý;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Kiểm soát phòng kế toán và các hoạt động tài chính trong kinh doanh;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lương người lao động, mức lương, trình độ, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Đề xuất nghị quyết pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

i. Chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là báo cáo tài chính) phục vụ hoạt động quản lý tài chính hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối

kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ để kiểm) cho tình hình tài chính phải được trình Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

j. Thực hiện tốt các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.

k. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

l. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

m. Thực hiện kế hoạch kinh doanh và phân bổ ngân sách của công ty;

n. Kiểm soát phân bổ ngân sách của công ty, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

o. Quyết định tiền lương và quy chế khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

p. Tuyển dụng lao động;

q. Quyển và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng chủ tịch Hội đồng quản trị và quy định hiện hành để giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị đồng ý có quyết định bổ nhiệm mới Giám đốc mới thay thế.

Điều 45. Thẻ ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thẻ ký công ty để hợp đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thẻ ký công ty có các quy định và nghĩa vụ sau đây:

a. Hợp đồng triểu tập họp Đại hội đồng, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hội đồng thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hội đồng Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hội đồng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ. Hội đồng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thực hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII BAN KIỂM SOÁT

Điều 46. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại vào số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thuộc giới Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp

3. Trưởng hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới của được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Trưởng hợp số lượng các thành viên Ban kiểm soát thông qua được và ông có vốn không được số lượng cần thiết, Ban kiểm soát được nhiệm có thể được thêm ông có viên hoặc bổ sung được theo cách thức được công ty quy định tại Quy chế nội bộ và quản trị công ty. Cách Ban kiểm soát được nhiệm được ông viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành được.

Điều 47. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập

và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên công ty có phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 48. Quy định và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần thiết trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hợp thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thực định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tài cụ thể hợp thống niên Đãi hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đãi hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

7. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt

đồng kinh doanh của công ty.

8. Kiểm soát viên Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến công cụ chính sách quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

11. Có quyền sử dụng tài sản để bổ nhiệm kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 49. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu ủy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Giám đốc hoặc Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu và công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Đi u 50. Ti n l ng và quy n l i khác c a Ki m soát viên

Ti n l ng và quy n l i khác c a Ki m soát viên đ c th c hi n theo quy đ nh sau đây:

1. Ki m soát viên đ c tr ti n l ng ho c thù lao và đ c h ng các quy n l i khác theo quy t đ nh c a Đ i h i đ ng c đ ng. Đ i h i đ ng c đ ng quy t đ nh t ng m c l ng, thù lao và ngân sách ho t đ ng h ng năm c a Ban ki m soát;
2. Ki m soát viên đ c thanh toán chi phí ăn, , đi l i, chi phí s d ng d ch v t v n đ c l p v i m c h p lý. T ng m c thù lao và chi phí này không v t quá t ng ngân sách ho t đ ng h ng năm c a Ban ki m soát đã đ c Đ i h i đ ng c đ ng ch p thu n, tr tr ng h p Đ i h i đ ng c đ ng có quy t đ nh khác;
3. Ti n l ng và chi phí ho t đ ng c a Ban ki m soát đ c tính vào chi phí kinh doanh c a công ty theo quy đ nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p, pháp lu t có liên quan và ph i đ c l p thành m c riêng trong báo cáo tài chính h ng nă m c a công ty.

Đi u 51. Trách nhi m c a Ki m soát viên

1. Tuân th đúng pháp lu t, Đ i u l công ty, ngh quy t c a Đ i h i đ ng c đ ng và đ o đ c ngh nghi p trong th c hi n các quy n và nghĩa v đ c giao.
2. Th c hi n các quy n và nghĩa v đ c giao m t cách trung th c, c n tr ng, t t nh t nh m b o đ m l i ích h p pháp t i đa c a công ty.
3. Trung thành v i l i ích c a công ty và c đ ng; không s d ng thông tin, bí quy t, c h i kinh doanh c a công ty, đ a v , ch c v và s d ng tài s n c a công ty đ t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác.
4. Các nghĩa v khác theo quy đ nh c a Lu t doanh nghi p và Đ i u l công ty.
5. Tr ng h p vi ph m quy đ nh t i các kho n 1, 2, 3 và 4 Đ i u này mà gây thi t h i cho công ty ho c ng i khác thì Ki m soát viên ph i ch u trách nhi m cá nhân ho c liên đ i b i th ng thi t h i đó. M i thu nh p và l i ích khác mà Ki m soát viên có đ c ph i hoàn tr cho công ty.
6. Tr ng h p phát hi n có Ki m soát viên vi ph m trong th c hi n quy n và nghĩa v đ c giao thì H i đ ng qu n tr ph i thông báo b ng văn b n đ n Ban ki m soát; yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m đ t hành vi vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu .

Đi u 52. Mi n nhi m, b i nhi m Ki m soát viên

1. Ki m soát viên b i mi n nhi m trong các tr ng h p sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điếu kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quy định và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đủ tiền cọc và đủ các chấp thuận;

d. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Kiểm soát viên bất khả nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ VIỆC INGIÊN QUẢN LÝ

Điều 53. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc

1. Công ty có quy định thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đãi ngộ được quy định thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới hình thức là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

b. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyên mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo tài chính niên;

c. Thành viên Hội đồng quản trị nộp phạt và điếu hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông

thông qua một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao đối với công việc ngoài tiền công trên gói theo từng lần, từng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng năm hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.

d. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp Đại hội đồng, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

e. Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng tại cuộc họp thường niên.

Điều 54. Trách nhiệm của thành viên

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cần thiết mà một người thiện trung phải có khi đảm nhiệm vị trí thông thường và trong hoàn cảnh thông thường.

Điều 55. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và thực hiện trách nhiệm theo Điều 160 Luật doanh nghiệp.

2. Công đồng (người đại diện được ủy quyền) sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để lợi ích cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có

liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà công ty này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Hội đồng chấp thuận.

4. Hội đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều cổ đông (người đại diện được ủy quyền) sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, người quản lý khác và công ty liên quan đến họ không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

a. Người với hợp đồng có giá trị tối đa là 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các đối tượng có liên quan đến việc hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo đơn theo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của công ty thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Người với công ty hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên và các đối tượng có liên quan đến việc hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo đơn theo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình đơn theo hợp đồng hoặc ghi trình và nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và công ty liên quan với các thành viên nêu trên, không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 56. Trách nhiệm với thị trường và báo cáo tài chính

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác vì phẩm nghĩa và, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự minh cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách

nhằm và những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo quy định của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người quản lý, nhân viên hoặc là đi dân theo quy định của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại (trừ các vụ kiện do Công ty là người khiếu kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ TRASMÁCH VÀ HỢP SỔ CÔNG TY

Điều 57. Quy định về tra soát sách và sổ

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có quyền kiểm tra soát đăng ký công đồng của Công ty, danh sách công đồng và những sổ sách và sổ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được báo cáo.

2. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quy định nội tài sản, nghị quyết Đại hội đồng công đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng công đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tài trợ chính hoặc một nội khác với điều kiện là các công đồng và công quan đăng ký kinh doanh được thông báo và đưa đi lưu trữ các giấy tờ này.

3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

CHƯƠNG X: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 58. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, nghỉ, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý.

2. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chu kỳ m, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, nhưng thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XI

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, LẬP QUẢN VÀ NGUYÊN TẮC CHUYỂN TRONG KINH DOANH

Điều 59. Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng quản trị có đồng quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận để c giao lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ngừng cổ tức giao kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới mất lợi ích phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Hội đồng quản trị thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới mất lợi ích phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua

ngành quy định xác định một ngày có thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, ngành ngân hàng đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quy định như cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án chi trả cổ tức và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích quỹ phòng dự trữ.
- Chuyển một phần lợi nhuận sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khác phải.

CHƯƠNG XII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỒ TÍNH KẾ TOÁN

Điều 60. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 61. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 62. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sẽ dùng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Ngành hàng này

phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải được chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sẽ dùng dữ liệu Việt Nam (hoặc ngoại tệ do chuyển đổi trong trường hợp đồng cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tính tiền dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 63. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 65 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh mặt cách trung thực và khách quan tình hình vốn lãi và lợi của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh mặt cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hải quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

Điều 64. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XIV

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 65. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chọn định mức công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Đại hội đồng quản trị quyết định lựa chọn mức t trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều kiện và điều kiện thỏa thuận với Đại hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Đại hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội và các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XV

CON ĐỀU

Điều 66. Con dấu

1. Đại hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng quản trị, Giám đốc sở hữu và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI

CHẾ ĐỘ T HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ PHÁ SỬN

Điều 67. Chế độ hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Đại hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 68. Giải thể

1. Thời gian sáu (06) tháng sau khi có mặt quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng quản trị phải thành lập Ban giải thể gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chọn và một (01) thành viên do Đại hội đồng quản trị chọn từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban giải thể chịu trách nhiệm các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban giải thể có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý độc lập Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban giải thể có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban giải thể thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến giải thể Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tài sản thu được từ việc giải thể được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí giải thể;
- b. Tài sản ngang và chi phí bồi thường cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;

f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ thì mức (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 69. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp

Việc giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 201 của Luật Doanh nghiệp được thực hiện trình tự, thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 202 của Luật doanh nghiệp.

Điều 70. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 71. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định như sau:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người quản lý các cấp, các bên liên quan có giải quyết tranh chấp đó thông qua thủ tục giải quyết và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yêu cầu thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chủ định mời chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không được giải quyết hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thủ tục giải quyết và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XVIII

Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

Điều 72. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty khác được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó được ưu tiên áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIX

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 73. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 19 chương 73 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long nhất trí thông qua ngày 28 tháng 6 năm 2017, tại Hội trường Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành chín (09) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Bốn (04) bản đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định ;

b. Năm (05) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo pháp luật thứ 1



[Signature]

Đào Thanh Liêm

Người đại diện theo pháp luật thứ 2



[Signature]

Ngô Thành Thía